BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
Số: 620 /QĐ-ĐHTCQTKD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cảnh báo học tập đối với sinh viên Đại học K10,K11 hệ chính quy học kỳ 2 năm học 2023 – 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18/09/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thành lập trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 13/09/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ 2 năm học 2023 – 2024 và điểm toàn khóa học của sinh viên;

Căn cứ biên bản họp hội đồng xét cảnh báo học tập ngày 30/10/2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cảnh báo học tập đối với **108** sinh viên Đại học K10,K11 hệ chính quy có kết quả học tập đạt loại kém trong học kỳ 2 năm học 2023 - 2024 *(Có phụ lục kèm theo).*

- Cảnh báo lần 1 đối với **86** sinh viên.
- Cảnh báo 2 kỳ liên tiếp đối với **22** sinh viên.

Điều 2. Quyền lợi và trách nhiệm của những sinh viên có tên trên được thực hiện đúng quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ giáo dục đào tạo và quy chế của trường.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cố vấn học tập và sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CTHĐT, BGH;
- Phòng: CTSV, TCKT, KT&QLCL;
- Lưu: VT; QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY K10,K11 BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 620/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

1. Danh sách sinh viên ĐHCQ K10,K11 bị cảnh báo học tập học học kỳ 2 năm học 2023-2024

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
1	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	2	0.41		
2	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	2	0.51		
3	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	2	0.00		
4	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	2	0.73		
5	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	2	0.71		
6	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	3		1.55	
7	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	2	0.00		
8	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	2	0.88		
9	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	2	0.95		
10	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	2	0.96		
11	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	2	0.91		
12	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	2	0.47		
13	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	2	0.92		
14	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	1	0.43		
15	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	3	0.72		
16	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	1	0.77		
17	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	1	0.83		
18	1101061036	Nguyễn Phương	Thảo	23/12/2005	KA11A	1	0.49		
19	1101061236	Trần Phúc	Toàn	24/01/2005	KA11A	1	0.00	0.00	
20	1101020923	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD11A	1	0.00	0.00	
21	1101020037	Nguyễn Thị Minh	Ánh	18/10/2005	KD11A	1	0.72		
22	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	1	0.00		
23	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	1	0.88		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
24	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD11A	1	0.77		
25	1101020144	Đỗ Mai	Linh	30/03/2005	KD11A	1	0.00		
26	1101020184	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	26/10/2005	KD11A	1	0.73		
27	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	1	0.98		
28	1101020214	Phạm Thanh	Nhàn	18/05/2005	KD11A	1	0.00		
29	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD11A	1	0.79		
30	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	1	0.00		
31	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	1	0.85		
32	1101020855	Nguyễn Thảo	Ly	21/06/2005	KD11B	1	0.00	0.00	
33	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	1	0.00		
34	1101020919	Phùng Thị Huệ	Anh	17/12/2004	KD11C	1	0.00		
35	1101020317	Tô Anh	Tuấn	23/04/2004	KD11C	1	0.77		
36	1101020188	Nguyễn Song Bình	Minh	30/05/2005	KD11D	1	0.71		
37	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	1	0.83		
38	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	1	0.86		
39	1101020334	Phạm Tiểu	Yến	24/10/2005	KD11E	1	0.92		
40	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	1	0.36		
41	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	1	0.79		
42	1101020630	Hoàng Thị Trà	My	21/04/2005	KD11G	1	0.00		
43	1101020291	Nguyễn Thị Thanh	Trà	02/03/2005	KD11G	1	0.73		
44	1101021356	Đinh Văn	Việt	12/01/2005	KD11G	1	0.00		
45	1101071117	Phạm Thị Minh	Châu	08/08/2005	KL11A	1	0.00	0.00	
46	1101071137	Phạm Nhật	Quang	23/12/2003	KL11A	1	0.58		
47	1101010773	Nguyễn Vũ Hồng	Anh	28/03/2005	NH11A	1	0.00		
48	1101010776	Phạm Thị Phương	Anh	05/06/2005	NH11A	1	0.00		
49	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	1	0.00		
50	1101011269	Nguyễn Thu	Giang	29/09/2005	NH11A	1	0.86		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
51	1101010161	Nguyễn Thùy	Linh	06/04/2005	NH11A	1	0.00	0.00	
52	1101011302	Phạm Lê	Tam	30/01/2005	NH11A	1	0.91		
53	1101070492	Vương Đức	Anh	04/01/2005	QL11A	1	0.64		
54	1101070695	Nguyễn Phương	Thanh	14/02/2004	QL11A	1	0.00		
55	1101070702	Nguyễn Hương	Thảo	08/06/2005	QL11A	1	0.00		
56	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	1	0.68		
57	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	1	0.64		
58	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	1	0.88		
59	1101030499	Nguyễn Ngọc	Bắc	05/09/2005	QM11A	1	0.19		
60	1101031362	Nguyễn Chí	Công	06/12/2005	QM11A	1	0.00		
61	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	1	0.28		
62	1101030517	Trần Huy	Đức	10/09/2005	QT11A	1	0.77		
63	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	1	0.99		
64	1101031400	Lê Thế	Dương	18/12/2005	QT11A	1	0.92		
65	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	1	0.64		
66	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	1	0.88		
67	1101031394	Lê Văn	Ngọc	11/06/2005	QT11A	1	0.86		
68	1101030671	Nguyễn Thu	Phương	28/03/2005	QT11A	1	0.64		
69	1101030727	Đào Vĩnh	Trinh	28/03/2005	QT11A	1	0.00		
70	1101031245	Hồ Xuân	Trường	12/10/2005	QT11A	1	0.00		
71	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	1	0.28		
72	1101031177	Nguyễn Văn	Giang	05/08/2005	QT11B	1	0.88		
73	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	1	0.94		
74	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	1	0.88		
75	1101030610	Phí Quang	Lợi	15/07/2005	QT11B	1	0.64		
76	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	1	0.58		
77	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	1	0.91		

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
78	1101030634	Vũ Thành	Nam	11/11/2005	QT11B	1	0.53		
79	1101031242	Quản Đức	Trung	05/11/2005	QT11B	1	0.36		
80	1101030738	Nguyễn Mạnh	Tuyến	29/03/2005	QT11B	1	0.00		
81	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	1	0.58		
82	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC11A	1	0.71		
83	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	1	0.51		
84	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	1	0.81		
85	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	1	0.82		
86	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	1	0.00		

2. Danh sách sinh viên ĐHCQ K10,K11 bị cảnh báo học tập 2 học kỳ liên tiếp

(Học kỳ 1 năm học 2023-2024 và học kỳ 2 năm học 2023-2024)

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
1	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	2	0.44		
2	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	2	0.79		
3	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD10G	2	0.00		
4	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	2	0.92		
5	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	2	0.57		
6	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	2	0.96		
7	1001071171	Vũ Văn	Trường	18/12/2004	QL10A	2	0.22		
8	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	2	0.37		
9	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	2	0.71		
10	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	1	0.00		
11	1101061236	Trần Phúc	Toàn	24/01/2005	KA11A	1	0.00	0.00	
12	1101020037	Nguyễn Thị Minh	Ánh	18/10/2005	KD11A	1	0.72		
13	1101020124	Nguyễn Thanh	Huyền	19/08/2005	KD11A	1	0.77		
14	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD11A	1	0.79		
15	1101020855	Nguyễn Thảo	Ly	21/06/2005	KD11B	1	0.00	0.00	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	năm sv	TBC học kỳ	TBC TL	Ghi chú
16	1101020919	Phùng Thị Huệ	Anh	17/12/2004	KD11C	1	0.00		
17	1101071117	Phạm Thị Minh	Châu	08/08/2005	KL11A	1	0.00	0.00	
18	1101071137	Phạm Nhật	Quang	23/12/2003	KL11A	1	0.58		
19	1101010161	Nguyễn Thùy	Linh	06/04/2005	NH11A	1	0.00	0.00	
20	1101070695	Nguyễn Phương	Thanh	14/02/2004	QL11A	1	0.00	1.00	
21	1101030610	Phí Quang	Lợi	15/07/2005	QT11B	1	0.64		
22	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC11A	1	0.71	1.15	